

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường THCS Trần Bội Cơ
Năm học 2018 – 2019

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Thực hiện Kế hoạch tuyển sinh của UBND/Q5 và P.GDDT/Q5	Thực hiện Kế hoạch tuyển sinh của UBND/Q5 và P.GDDT/Q5	Thực hiện Kế hoạch tuyển sinh của UBND/Q5 và P.GDDT/Q5	Thực hiện Kế hoạch tuyển sinh của UBND/Q5 và P.GDDT/Q5
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	Bộ GD-ĐT	Bộ GD-ĐT	Bộ GD-ĐT	Bộ GD-ĐT
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Tạo dựng môi trường giáo dục lành mạnh, nề nếp, kỉ cương, có chất lượng giáo dục cao	Tạo dựng môi trường giáo dục lành mạnh, nề nếp, kỉ cương, có chất lượng giáo dục cao	Tạo dựng môi trường giáo dục lành mạnh, nề nếp, kỉ cương, có chất lượng giáo dục cao	Tạo dựng môi trường giáo dục lành mạnh, nề nếp, kỉ cương, có chất lượng giáo dục cao
IV	Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh (như các loại phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học ...)	Đầy đủ, đúng qui định đáp ứng với việc dạy và học của thế kỷ 21	Đầy đủ, đúng qui định đáp ứng với việc dạy và học của thế kỷ 21	Đầy đủ, đúng qui định đáp ứng với việc dạy và học của thế kỷ 21	Đầy đủ, đúng qui định đáp ứng với việc dạy và học của thế kỷ 21
V	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Nơi học sinh được chăm sóc, nâng niu, tạo cho các em niềm hứng thú, say mê để các em vui học thành tài.	Nơi học sinh được chăm sóc, nâng niu, tạo cho các em niềm hứng thú, say mê để các em vui học thành tài.	Nơi học sinh được chăm sóc, nâng niu, tạo cho các em niềm hứng thú, say mê để các em vui học thành tài.	Nơi học sinh được chăm sóc, nâng niu, tạo cho các em niềm hứng thú, say mê để các em vui học thành tài.
VI	Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục.	Đạt chuẩn về Chuyên Môn và Đạo đức nghề nghiệp	Đạt chuẩn về Chuyên Môn và Đạo đức nghề nghiệp	Đạt chuẩn về Chuyên Môn và Đạo đức nghề nghiệp	Đạt chuẩn về Chuyên Môn và Đạo đức nghề nghiệp
VII	Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Đáp ứng chất lượng giáo dục đạo đức, học tập, sức khỏe tốt	Đáp ứng chất lượng giáo dục đạo đức, học tập, sức khỏe tốt	Đáp ứng chất lượng giáo dục đạo đức, học tập, sức khỏe tốt	Đáp ứng chất lượng giáo dục đạo đức, học tập, sức khỏe tốt.
VIII	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Mỗi học sinh có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo, có khát vọng vươn lên.	Mỗi học sinh có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo, có khát vọng vươn lên	Mỗi học sinh có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo có khát vọng vươn lên	Mỗi học sinh có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo có khát vọng vươn lên

Quận 5, ngày 01 tháng 06 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở
Trần Bội Cơ - năm học 2018 - 2019**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	2381	617	561	641	562
1	Tốt	2120	557	492	558	513
	(tỷ lệ so với tổng số)	89	90.3	87.7	87.1	91.3
2	Khá	230	57	59	66	48
	(tỷ lệ so với tổng số)	9.7	9.2	10.5	10.3	8.5
3	Trung bình	29	2	10	17	0.357
	(tỷ lệ so với tổng số)	1.2	0.3	1.8	2.7	0.1
4	Yếu	1	1	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.04	0.2	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	2381	617	561	641	562
1	Giỏi	781	188	209	205	179
	(tỷ lệ so với tổng số)	32.8	30.5	37.3	32	31.9
2	Khá	987	291	218	244	234
	(tỷ lệ so với tổng số)	41.5	47.2	38.9	38.1	41.6
3	Trung bình	538	103	112	175	148
	(tỷ lệ so với tổng số)	22.6	16.7	20	27.3	26.3
4	Yếu	70	34	21	15	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	2.9	5.5	3.7	2.3	0
5	Kém	4	1	1	2	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.2	0.2	0.2	0.3	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	2381	617	561	641	562
1	Lên lớp	2306	582	539	624	561
	(tỷ lệ so với tổng số)	96.9	94.3	96.1	97.3	99.8
a	Học sinh giỏi	781	188	209	205	179
	(tỷ lệ so với tổng số)	32.8	30.5	37.3	32	31.9
b	Học sinh tiên tiến	987	291	218	244	234
	(tỷ lệ so với tổng số)	41.5	47.2	38.9	38.1	41.6
2	Thi lại	70	34	21	15	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	2.9	5.5	3.7	2.3	0
3	Lưu ban	4	1	1	2	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.2	0.2	0.2	0.3	0
4	Chuyển trường đến/đi					
	(tỷ lệ so với tổng số)					
5	Bị đuổi học	/	/	/	/	/
	(tỷ lệ so với tổng số)					

6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	/	/	/	/	/
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp tỉnh/thành phố		/	/	/	16 43,2%
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	/	/	/	/	/
V	Số học sinh dự xét tốt nghiệp	561	/	/	/	561
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	561	/	/	/	561
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					179 31.9%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					234 41.7%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)					148 26.4%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)			/	/	/
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)			/	/	/
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	1211/1169	318/299	280/281	331/310	282/279
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	998	240	232	274	252

Quận 5, ngày 01 tháng 07 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở Trần Bội Cơ
Năm học 2018 - 2019**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	54	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	54	0.9 m ² /HS
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
5	Số phòng học bộ môn	14	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	02	
7	Bình quân lớp/phòng học	1.22	
8	Bình quân học sinh/lớp	39	
III	Số điểm trường		
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	2245m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	346 m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng	3342 m ²	
1	Diện tích phòng học (m ²)	2304 m ²	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	795 m ²	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)		
3	Diện tích thư viện (m ²)	64 m ²	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng khác (...)(m ²)	160 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	8/62	Số bộ/lớp
1	Khối lớp 6	2	2/15
2	Khối lớp 7	2	2/15
3	Khối lớp 8	2	2/17
4	Khối lớp 9	2	2/15
5	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	800	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	90	Số học sinh/bộ
			18hs/ bộ
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	29	
2	Cát xét	12	
3	Đầu Video/đầu đĩa	8	

4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	
5	Thiết bị khác MÁY TÍNH CMPC		
6	Bảng thông minh	4	
X	Nhà bếp	/	
XI	Nhà ăn		
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	Không có phòng nghỉ riêng cho bán trú (HS nghỉ trưa tại lớp, Hội trường, thư viện)	/
XIII	Khu nội trú	/	/
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh
			Số m ² /học sinh
		Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh	18	/
2	Chưa đạt chuẩn	/	/
	Nội dung		Có
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh		x
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		x
XVII	Kết nối internet (ADSL)		x
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường		x
XIX	Tường rào xây		x

Quận 5, ngày 01 tháng 07 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở Trần Bội Cơ - năm học : 2018-2019

ST T	Nội dung	Tôn g số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Khg XL
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên											54	73	4	1
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	122										51	61	3	1
1	Văn – Tiếng Việt	20		2	14	4			6	14					
2	Lịch Sử	7			6	1			2	5					
3	Địa Lý	7		2	4	1			3	4					
4	GDCD	4			4					4					
5	Tiếng Anh	16		1	14	1			2	14					
6	Tiếng Trung	2			2					2					
7	Toán	21		1	15	5			6	15					
8	Vật Lý	7			6	1			1	6					
9	Hoá học	5			5					5					
10	Sinh vật	9			5	4			6	3					
11	Công nghệ KTDV	3			3					3					
12	Công nghệ CN	3			1	2			2	1					
13	Công nghệ NN	1				1			1						
14	Tin học	4			3	1			1	3					
15	Nhạc	4			3	1			2	2					

16	Hoạ	3			3					3					
17	Thẻ dực	6			5	1			2	1					
II	Cán bộ quản lý														
1	Hiệu trưởng	1			1					1					
2	Phó hiệu trưởng	3		2	1					3					
III	Nhân viên														
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ	1			1										
4	Nhân viên y tế	1		1											
5	Nhân viên thư viện														
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
8	Nhân viên công nghệ thông tin	1					1								
9	Nhân viên văn phòng	1		1											
10	Bảo vệ	3						3							
11	Nhân viên phục vụ	2						2							

Quận 5, ngày 01 tháng 07 năm 2019

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Chu Thị Hương Lan

